

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 07 - 2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Tấn;
2. Ông Bùi Văn Quyết.

- Thư ký ghi phiên toà: Bà Hoàng Thị Khánh Linh - Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Phụng - Kiểm sát V.

Ngày 28 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 04 năm 2022 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn D, sinh năm 1974. Địa chỉ: phố Chiềng Trào, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30/06/2022.

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị V, sinh năm 1978. Địa chỉ: phố Chiềng Trào, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Văn D trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Bùi Thị V kết hôn năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Vũ (nay là thị trấn Vụ Bản), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình và tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2020 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, xung đột

khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng ly thân từ cuối năm 2020. Cho đến thời điểm này anh D xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị ly hôn với chị Bùi Thị V.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh D có 02 con chung là cháu Bùi Văn Tú, sinh ngày 02/01/1999; cháu Bùi Văn Tài, sinh ngày 30/03/2004. Cả hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh D không có yêu cầu gì thêm.

Về phía chị Bùi Thị V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, chị V vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

**** Tại biên bản xác minh ngày ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Bùi Văn D và chị Bùi Thị V có nội dung:***

Anh Bùi Văn D và chị Bùi Thị V kết hôn năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND Liên Vũ (nay là TT Vụ Bản), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2020 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, xung đột khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh D và chị V có 02 con chung là cháu Bùi Văn Tú, sinh ngày 02/01/1999; cháu Bùi Văn Tài, sinh ngày 30/03/2004. Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

****Phát biểu của Kiểm sát V tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát V Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: xác định mâu thuẫn giữa anh D và chị V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D.

- Về con chung: Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn”. Bị đơn là chị Bùi Thị V có hộ khẩu thường trú tại phố Chiềng Trào, TT Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Chị V và anh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn là chị Bùi Thị V đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh D và chị V không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, xung đột vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên bất hòa. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Quá trình chung sống, chị V và anh D có 02 con chung là Bùi Văn Tú và cháu Bùi Văn Tài, hiện nay hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn D được ly hôn với chị Bùi Thị V.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số **0004324 ngày 29/4/2022** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Anh Bùi Văn D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND TT Vụ Bản;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

THÀNH V HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. Bùi Văn Ôn

Bùi Văn Thiệu

Nguyễn Thị Thanh Hoa

THÀNH V HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. Bùi Văn Ôn

Bùi Văn Thiệu

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND huyện Lạc Sơn;*
- *CCTHA huyện Lạc Sơn;*
- *UBND xã Bình Hẻm;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

THÀNH V HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. Bùi Văn Ôn

Bùi Văn Thiệu

Nguyễn Thị Thanh Hoa

